**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH**

**CỦA BỘ LUẬT TTHS NĂM 2015**

**(VKS huyện Lạng Giang)**

**I. CÁC VẤN ĐỀ VỀ CHỨNG CỨ**

**1.** **Về khái niệm**: Quy định tại Điều 86 BLTTHS năm 2015: “*Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định****, được*** *dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội; người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án*”.

Khái niệm *tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án* có thể hiểu là: Tất cả những tình tiết được thu thập theo trình tự, thủ tục BLTTHS quy định và “có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án” đều là chứng cứ. Đây là quy định rộng hơn khái niệm “những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án” của BLTTHS 2003 và phù hợp với quy định mới về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 85 BLTTHS 2015.

**2. Về nguồn chứng cứ**: BLTTHS năm 2015 quy định thành điều luật riêng (Điều 87) để làm rõ ràng hơn về khái niệm chứng cứ và nguồn chứng cứ.

 - Bổ sung thêm nguồn chứng cứ mới gồm: “*Dữ liệu điện tử; kết luận định giá tài sản; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác*”. Đây là quy định đáp ứng yêu cầu thực tế chứng minh đối với những vụ án hình sự cần có các nguồn chứng cứ này. Ngoài ra điều luật còn bổ sung “*Lời trình bày*” của những người tham gia tố tụng cũng là nguồn chứng cứ (BLTTHS năm 2003 quy định chỉ có “Lời khai” của những người tham gia tố tụng là nguồn chứng cứ, như vậy có thể hiểu: Đã mở rộng hơn cho các cơ quan tiến hành tố tụng về hình thức thu thập chứng cứ.

 - Khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2015 còn bổ sung thêm, quy định rõ những trường hợp không được thừa nhận là chứng cứ (BLTTHS 2003 không quy định): “*Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự*”. Đây là quy định phản ánh một trong những thuộc tính của chứng cứ đó là tính “hợp pháp”, do vậy, trình tự và thủ tục thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra, truy tố là hết sức quan trọng, đòi hỏi chúng ta phải kiểm sát chặt chẽ tính hợp pháp của chứng cứ, không được phép để xảy ra vi phạm tố tụng trong qua strinhf thu thập chứng cứ.

Về giá trị chứng minh của chứng cứ cũng đã có sự thay đổi: BLTTHS 2003 *khẳng định* chứng cứ được xác định bằng vật chứng, lời khai, kết luận giám định... thì BLTTHS 2015 chỉ coi đây là **nguồn chứng cứ** và khẳng định *chứng cứ* được thu thập, xác định từ các nguồn là vật chứng, lời khai, kết luận giám định....Đây là khái niệm buộc chúng ta phải có sự thay đổi về nhận thức, không phải cứ kết luận giám định, cứ lời khai thì được coi là *chứng cứ.*

**3. Về thu thập chứng cứ:**

 - Khoản 1 Điều 88 BLTTHS 2015 quy định: “*Để thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án*”.

**\*** **Điểm mới là**: Khoản 2, khoản 3 Điều 88 BLTTHS 2015 đã mở rộng quyền thu thập chứng cứ: *Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án; đề nghị cơ quan tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa*.

Không chỉ cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) mới có quyền thu thập hoặc đưa ra chứng cứ. BLTTHS 2015 bổ sung người bị buộc tội (người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo); người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố (điểm d Điều 57); người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp (điểm đ Điều 58); bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác hoặc *bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và trình bày những vấn đề liên quan đến vụ án*. Đây là điểm mới mà chúng ta cần lưu ý khi tiến hành kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự; đảm bảo sự công bằng trong quá trình chứng minh giải quyết vụ án hình sự, tăng cường tranh tụng theo yêu cầu cải cách tư pháp. Các cơ quan tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận tất cả những tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án khi được cung cấp hợp pháp để xem xét, đánh giá.

 - Để tránh việc làm mất, làm hỏng, làm thất lạc những chứng cứ, đồ vật, tài liệu mà các chủ thể trên cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, BLTTHS năm 2015 quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 88 ( BLTTHS 2003 không quy định): *Khi tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử … Cơ quan có thẩm quyền thu thập phải lập biên bản giao nhận và kiểm tra, đánh giá theo quy định của Bộ luật này*.

 **\* Điểm mới là**: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà Kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát theo quy định của Bộ luật này thì Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện kiểm sát để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án. Trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn ngày có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày.

 Trong thời hạn 3 ngày, Viện kiểm sát đóng dấu Bút lục và sao lưu Biên bản, tài liệu lưu hồ sơ kiểm sát và bàn giao nguyên trạng tài liệu, biên bản đó cho Cơ quan điều tra, việc giao nhận được lập biên bản theo quy định.

 Đây là quy định tạo điều kiện thuận lợi giúp Kiểm sát viên nắm bắt kịp thời tiến độ điều tra, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra sát, đúng với yêu cầu chứng minh trong vụ án hình sự.

**4. Về khái niệm và việc thu thập các nguồn chứng cứ cụ thể**

\* Đối với vật chứng (Điều 89, 90): Vật chứng luôn là nguồn chứng cứ quan trọng trong vụ án hình sự nên BLTTHS 2015 đã bổ sung ngoài những vật có giá trị chứng minh thì *vật có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án* cũng được coi là vật chứng của vụ án;

- Điểm mới là: Vật chứng cần niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu thập; việc niêm phong và mở niêm phong được thực hiện theo quy định của Chính phủ *( Nghị định số 127/2017 ngày 16/11/2017, có hiệu lực từ 01/01/2018)*

Lưu ý tiền cũng là vật chứng cần phải niêm phong, giám định ngay sau khi thu giữ và chuyển ngay đến Kho bạc Nhà nước để bảo quản.

\* Đối với lời khai của người tố giác tội phạm (Điều 96): Người tố giác, baostin về tội phạm trình bày những tình tiết liên quan đến việc họ tố giác, báo tin;

\* Lời khai của người chứng kiến: Người làm chứng trình bày những tình tiết mà họ đã chứng kiến trong hoạt động tố tụng

\* Đối với dữ liệu điện tử: Đây là nguồn chứng cứ mới được bổ sung, bao gồm ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử

Dữ liệu điện tử được thu thập từ phương tiện điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điển tử khác

Để có giá trị chứng minh thì việc thu thập, thu giữ phương tiện điện tử, giữ liệu điện tử phải được thực hiện theo quy định tại Điều 107 và 196 của BLTTHS;

\* Đối với biên bản về hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử: Những tình tiết được ghi trong các biên bản này nếu được lập theo đúng quy định của BLTTHS thì *có thể* được coi là chứng cứ.

**5. Về kiểm tra, đánh giá chứng cứ** (Đ 108 BLTTHS 2015): Điều luật bổ sung thêm quy định rõ mỗi chứng cứ phải được kiểm tra; người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình phải “kiểm tra” để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Như vậy, ngoài hoạt động đánh giá chứng cứ, hoạt động kiểm tra chứng cứ là hoạt động bắt buộc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Chỉ những chứng cứ đã được kiểm tra để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án mới được coi là chứng cứ để giải quyết vụ án.

 **\* Tóm lại**: BLTTHS năm 2015 đã mở rộng hơn BLTTHS năm 2003 cả về nguồn chứng cứ, thẩm quyền thu thập, cung cấp đánh giá chứng cứ; hoạt động kiểm tra để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án của chứng cứ là hoạt động bắt buộc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Đã thể hiện tính ưu việt, công bằng, công khai, dân chủ hơn trong hoạt động tố tụng hình sự. Hoạt động của Viện Kiểm sát trong quá trình thu thập chứng cứ cũng đã được mở rộng, Kiểm sát viên trực tiếp và bắt buộc phải tham gia nhiều hoạt động điều tra thu thập chứng cứ, từ đó trách nhiệm cuae VKS cũng nặng nề hơn ngay từ việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm.

**II. CÁC VẤN ĐỀ PHẢI CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ**

- Cũng như BLTTHS 2003, BLTTHS 2015 chỉ có 01 điều quy định về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, Điều 85 BLTTHS 2015 có mở rộng thêm trách nhiệm chứng minh không chỉ là CQĐT, VKS, TA mà là của các ***cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng;*** Bổ sung thêm hai vấn đề phải chứng minh là: Nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

- Về hoạt động chứng minh: Hoạt động chứng minh do người có thẩm quyền trong các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố thực thực hiện. Một số lưu ý là:

Điều ra viên: Được thực hiện hầu hết các hoạt động thu thập chứng cứ để làm rõ các vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự.

Kiểm sát viên được trực tiếp thực hiện một số hoạt động điều tra sau ( Điều 42):

 + Trực tiếp giải quyết và lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm trong trường hợp phát hiện cơ quan có thẩm quyền THTT có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện Kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục.

+ Trực tiếp kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét.

+ Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người tó giác, bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, đại điện theo pháp luật của pháp nhân...;

+ Quyết định áp giải người bị bắt, bị can; dẫn giải người làm chứng, người bị tố giác;

+ Yêu cầu thay đổi người tiến hành tổ tụng; cử hoặc thay đổi người bào chữa...;

Điều 252 BLTTHS 2015 có quy định: Trường hợp Tòa án đã yêu cầu VKS bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng VKS không bổ sung được thì Tòa án có thể tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án. Đây là quy định mở nhưng cũng chưa rõ Tòa án “xác minh” qua các hình thức nào? có được triệu tập người tham gia tố tụng để xác min hay không?

**III. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý VỀ CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH**

 **1**- Bộ luật TTHS năm 2015- Bổ sung diện những người tham gia tố tụng: Người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố; người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố; người chứng kiến; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố. Tùy thuộc địa vị pháp lý của họ trong tố tụng hình sự, quá trình thu thập chứng cứ, chứng minh lời khai, lời trình bày của những người này về những tình tiết liên quan đến vụ việc, đến hoạt động tố tụng đều là nguồn chứng cứ cần thu thập để kiểm tra, đánh giá.

 **2**- Bộ LTTHS năm 2015 mở rộng quyền thu thập chứng cứ, không chỉ các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, mà tất cả cơ quan, tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đều có thể đưa ra chứng cứ; tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án.

 Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử có liên quan đến việc bào chữa. Tùy từng giai đoạn tố tụng, những chứng cứ do người bào chữa thu thập có liên quan đến việc bào chữa, người bào chữa phải kịp thời giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đưa vào hồ sơ vụ án (khoản 2 Điều 81). Những chứng cứ, tài liệu, đồ vật, nêu trên khi tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải lập Biên bản giao nhận theo quy định tại Điều 133 và phải kiểm tra đánh giá theoquy định của pháp luật.

 **3**- Trong các loại nguồn chứng cứ thì dữ liệu điện tử được coi là khó hiểu nhất khi thu thập và đánh giá chứng cứ. Để có giá trị là chứng cứ chứng minh trong vụ án hình sự, đòi hỏi khi thu giữ phương tiện điện tử và dữ liệu điện tử cần quán triệt nghiêm túc quy định về trình tự, thủ tục thu giữ theo quy định tại Điều 196 BLTTHS năm 2015. Dữ liệu điện tử phải được thể hiện để có thể đọc được, nghe được hoặc nhìn được. Đòi hỏi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải là người có kiến thức nhất định về dữ liệu điện tử mới có thể tiến hành thu thập và đánh giá.

 **4**- Trong thu thập chứng cứ, mỗi loại nguồn chứng cứ BLTTHS năm 2015 đều có quy định cụ thể cách thức, trình tự, thủ tục, nguyên tắc thu thập cụ thể tại các Điều luật; đòi hỏi quá trình thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ phải tuân thủ nghiêm các quy định này. Lứu ý quy định tại khoản 2 Điều 87 BLTTHS “… ***Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự***”.

 **5**- Hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ là hoạt động rất quan trọng, Bộ luật quy định: “Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ, đã thu thập được về vụ án” (Khoản 2 Điều 108).

 Do vậy muốn sử dụng làm chứng cứ chứng minh cần phải kiểm tra xác định tính hợp pháp, tính xác thực và tính liên quan đến vụ án. Nội dung kiểm tra là xem xét tài liệu thu thập được có đảm bảo tính khách quan, liên quan và hợp pháp hay không. Chỉ khi nào kiểm tra làm rõ các thuộc tính này và đảm bảo tính xác thực của tài liệu thu thập mới được coi là chứng cứ.

 Đánh giá chứng cứ phải khách quan, toàn diện, cần đảm bảo đã đầy đủ chứng cứ để chứng minh, kết luận toàn bộ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án.Chú ý quy định mới và những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự về: Nguyên nhân và điều kiện phạm tội cũng như những tình tiết khác có liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự miễn hình phạt cho người bị nghi phạm tôi, cho bị can, bị cáo.

**6**- Khoản 5 Điều 88 quy định: Trong thời hàn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà Kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát thì CQĐT phải chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện Kiểm sát; trường hợp có trở ngại thì thời hạn là 15 ngày. Viện kiểm sát phải kiểm tra, đóng dấu bút lục và chuyển lại cho CQĐT trong thời hạn 03 ngày; việc chuyển giao phải được lập biên bản.

**IV. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

**1**- Điều 133 quy định khi tiến hành hoạt động tố tụng đều phải lập biên bản theo mẫu thống nhất. Vậy đề nghị phải sơm rà soát, tổng hợp đầy đủ các hoạt động tố tụng của viện kiểm sát để ban hành mẫu thống nhất;

 **2**- Hoạt động “kiểm tra” xác định tính hợp pháp, tính xác thực của chứng cứ là quy định bắt buộc mới quy định. Mỗi vụ việc, mỗi loại chứng cứ có cách kiểm tra, đánh giá khác nhau. Tuy nhiên không phải chứng cứ nào cũng có điều kiện kiểm tra nên sẽ gây khó khăn nhất định trong hoạt đọng đánh giá chứng cứ. Đề nghị cần có hướng dẫn cụ thể (nếu có thể).

  **3**- Bộ luật quy định người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ. Tùy mỗi giai đoạn tố tụng phải cung cấp kịp thời cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tương ứng với từng giai đoạn tố tụng đó. Song, điều luật chưa quy định cụ thể trong thời hạn cụ thể là bao nhiêu ngày sau khi người bào chữa thu thập được, trong trường hợp cung cấp muộ (vì thời hạn tố tụng có hạn), người tiến hành tố tụng không kịp thời gian để kiểm tra tính hợp pháp, xác thực, liên quan của chứng cứ thì chứng cứ này xử lý như thế nào. Thực tế có thể người bào chữa đến khi xét xử mới xuất trình chứng cứ rất gây khó khăn cho cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đề nghị cần có quy định, hướng dẫn cụ thể hơn.

 **4**- Khoản 6 Điều 252- Quy định: Trường hợp Tòa án đã yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng Viện kiểm sát không bổ sung được thì Tòa án có thể tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án. Đây là quy định mới, hiện có nhiều quan điểm khác nhau. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể hơn về Tòa án thu thập chứng cứ trong những trường hợp cụ thể nào, ai là người có thẩm quyền thu thập chứng cứ để thống nhất nhận thức, áp dụng trong thực tế.

 **5**- Đối với nguồn chứng cứ là lời khai của những người tham gia tố tụng, BLTTHS bổ sung thêm: Lời khai của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người tố giác, báo tin về tội phạm, người phạm tội tự thú, đầu thú, người chứng kiến; lời **trình bày** những tình tiết liên quan đến yêu cầu chứng minh của vụ án cũng là nguồn chứng cứ. Vậy, trong hoạt động điều tra thu thập chứng cứ, sau khởi tố vụ án có nhất thiết phải lấy lại lời khai của những người tham gia tố tụng này không, hiện có nhiều cách hiểu, nhân thức khác nhau đề nghị có hướng dẫn thống nhất áp dụng cụ thể hơn./.